

DSHS KHOI 10 NH 2026-2027 (GUI LEN WEB)

STT	TT Lớp P	Lớp	SBD	Đ	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn	Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV 3
#	1	10A1	060023	-	BẠCH GIA BẢO	Nam	11/05/2011		16.25	1	2	4
#	2	10A1	060045	-	DƯƠNG THỊ BẢO CHÂU	Nữ	21/06/2011		14.50	4	2	3
#	3	10A1	100070	-	PHAN QUỲNH BẢO CHÂU	Nữ	18/11/2011		18.75	1	4	2
#	4	10A1	060072	-	NGUYỄN NHẤT DUY	Nam	10/10/2011		12.00	1	3	2
#	5	10A1	050079	-	BÙI TRẦN KIM DUYÊN	Nữ	21/09/2011		15.75	1	4	3
#	6	10A1	100116	-	DƯƠNG NGỌC ĐẠI	Nam	29/08/2011		20.25	1	4	3
#	7	10A1	110122	-	NGUYỄN NGỌC KHÁNH ĐẠI	Nam	08/05/2011		14.75	1	4	3
#	8	10A1	050097	-	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	27/04/2011		17.50	1	4	3
#	9	10A1	050107	-	PHAN VĂN TÀI ĐỨC	Nam	20/10/2011		16.75	1	3	4
#	10	10A1	050121	-	TÔ HƯƠNG GIANG	Nữ	19/09/2011		14.75	1	4	3
#	11	10A1	060136	-	NGUYỄN LÊ THỊ MINH HẠNH	Nữ	04/07/2011		15.25	1	4	2
#	12	10A1	050157	-	HUỲNH THỊ KIM HIỀN	Nữ	23/04/2011		17.25	1	4	3
#	13	10A1	060163	-	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	01/01/2011		12.75	1	4	3
#	14	10A1	060164	-	TRẦN QUANG HIẾU	Nam	27/11/2011		14.25	1	2	4
#	15	10A1	100205	-	TRƯƠNG QUANG HOÀNG	Nam	09/09/2011		18.50	1	2	4
#	16	10A1	100233	-	HỒ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	23/03/2011		20.00	1	4	3
#	17	10A1	050233	-	BẠCH THÁI KHANG	Nam	20/12/2011		17.50	1	4	3
#	18	10A1	060218	-	TRƯƠNG NAM KHANG	Nam	25/11/2011		11.25	1	3	2
#	19	10A1	090418	-	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	19/09/2011		19.00	1	4	3
#	20	10A1	060231	-	PHẠM ĐĂNG KHOA	Nam	23/11/2011		15.25	1	3	4
#	21	10A1	050278	-	NGUYỄN HOÀNG TUÂN KIẾT	Nam	09/05/2011		15.5	1	4	3
#	22	10A1	060292	-	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	03/11/2011		13.50	1	4	3
#	23	10A1	060336	-	ĐỖ THỊ QUỲNH NGÀ	Nữ	06/03/2011		15.00	1	4	3
#	24	10A1	050435	-	TRƯƠNG QUANG NHẬT	Nam	02/08/2011		17.00	1	2	4
#	25	10A1	050449	-	NGUYỄN NỮ Y NHUNG	Nữ	11/12/2011		16.00	1	4	2
#	26	10A1	060445	-	VÕ THÀNH PHÁT	Nam	25/10/2011		12.25	1	2	4
#	27	10A1	050496	-	LÊ MINH PHÚC	Nam	08/02/2011		16.75	1	3	4
#	28	10A1	060458	-	TRẦN THIÊN PHÚC	Nam	03/10/2011		15.75	1	4	2
#	29	10A1	050508	-	NGUYỄN THỊ MỸ PHỤNG	Nữ	27/06/2011		17.25	1	4	2
#	30	10A1	060481	-	TRỊNH DUY QUÂN	Nam	05/11/2011		13.00	1	4	3
#	31	10A1	060470	-	ĐỖ QUANG	Nam	12/08/2011		13.75	1		
#	32	10A1	060518	-	NGUYỄN LÊ ANH TÀI	Nam	09/06/2011		11.5	1	4	2
#	33	10A1	060550	-	BÙI QUANG THẮNG	Nam	28/09/2011		15.00	1	4	3
#	34	10A1	050590	-	BÙI VĂN THẮNG	Nam	06/08/2011		17.50	1	4	3
#	35	10A1	100597	-	PHẠM VIỆT PHÚ THÀNH	Nam	20/08/2011		16.25	1	4	3
#	36	10A1	050633	-	NGUYỄN ANH THU	Nữ	30/12/2011		16.50	1	4	2
#	37	10A1	050622	-	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	19/03/2011		16.25	1	3	2
#	38	10A1		-	ĐẶNG QUANG TỈNH	Nam	22/10/2011	Quảng Ngãi		1	3	4
#	39	10A1	060638	-	TRƯƠNG PHƯƠNG TRANG	Nữ	25/12/2011		12.00	1	4	3
#	40	10A1	060679	-	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	Nam	29/04/2011		13.50	1	4	3
#	41	10A1	050738	-	NGUYỄN THỊ HOÀNG UYÊN	Nữ	26/10/2011		17.25	1	3	4
#	42	10A1	050754	-	NGUYỄN HỮU VINH	Nam	12/11/2011		16.75	1	3	4
#	43	10A1	100761	-	NGUYỄN TÀI VY	Nam	13/07/2011		18.00	1	4	3
#	44	10A1	050770	-	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	18/01/2011		16.25	1	4	2
#	45	10A1	050773	-	BÙI ĐỨC GIA VỸ	Nam	29/05/2011		14.75	1	2	3

STT	TT Lớp	Lớp	SBD	Điểm C	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn	Điểm tổng	Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV 3
4	1	10A2	050005	-	NGUYỄN MAI TÂM AN	Nữ	11/09/2011			16.50	1	2	4
#	2	10A2	060058	-	NGUYỄN TRUNG CUÔNG	Nam	14/09/2011			15.00	1	3	2
#	3	10A2	050090	-	HUỖNH THẾ ĐAN	Nam	18/06/2011			17.00	1	4	2
#	4	10A2	090191	-	TRƯƠNG QUANG ĐỨC	Nam	26/03/2011			17.50	1	4	2
#	5	10A2	060140	-	TỬ THỊ ÁNH HẢO	Nữ	28/01/2011			15.75	3	1	2
#	6	10A2	060156	-	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	Nữ	27/12/2011			15.50	1	3	4
#	7	10A2	060161	-	VÕ PHẠM QUỐC HIỆP	Nam	12/09/2011			11.75	1	4	3
#	8	10A2	060168	-	VƯƠNG TRUNG HIỆU	Nam	23/03/2011			14.25	1	4	3
#	9	10A2	060170	-	BÙI VĂN HIỀN HOÀ	Nam	02/05/2011			13.75	1	3	4
#	10	10A2	060174	-	ĐỖ VIỆT HOÀNG	Nam	14/09/2011			16.00	1	2	4
#	11	10A2	050197	-	PHẠM DUY HUY	Nam	03/07/2011			16.25	1	3	2
#	12	10A2	050236	-	ĐỖ ĐÌNH KHANG	Nam	03/03/2011			17.50	1	4	2
#	13	10A2	100298	-	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	27/08/2011			18.25	1	4	3
#	14	10A2	060243	-	HUỖNH ĐÌNH TRUNG KIÊN	Nam	17/07/2011			18.50	1	4	3
#	15	10A2	060246	-	TRẦN TRỌNG KIÊN	Nam	06/10/2011			20.50	1	4	3
#	16	10A2	060268	-	NGUYỄN DƯƠNG THẢO LINH	Nữ	28/06/2011			13.60	3	1	4
#	17	10A2	060281	-	PHẠM TẤN LỘC	Nam	14/04/2011			16.75	1	4	3
#	18	10A2	050323	-	NGUYỄN TUỆ MÂN	Nữ	01/01/2011			17.50	1	4	3
#	19	10A2	050348	-	VÕ LY NA	Nữ	27/12/2011			17.25	1	4	2
#	20	10A2	100396	-	NGUYỄN KHÁNH NGÂN	Nữ	30/10/2011			19.50	1	4	3
#	21	10A2	060351	-	PHẠM THỊ KHÁNH NGÂN	Nữ	22/07/2011			15.00	1	4	2
#	22	10A2	050396	-	NGUYỄN HỒNG HẢI NGỌC	Nữ	03/09/2011			17.00	1	4	3
#	23	10A2	100453	-	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	18/08/2011			20.25	1	2	4
#	24	10A2	050424	-	VY MINH NGUYỆT	Nữ	21/11/2011			16.25	1	4	2
#	25	10A2	060384	-	LÝ THANH NHÀN	Nam	20/06/2011			14.75	1	3	2
#	26	10A2	060388	-	VÕ GIA NHÂN	Nam	10/05/2011			12.00	1	4	2
#	27	10A2	050437	-	ĐOÀN KIỀU NHI	Nữ	21/05/2011			14.75	1	4	2
#	28	10A2	050474	-	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	08/03/2011			15.5	1	4	3
#	29	10A2	050515	-	NGUYỄN TẤN QUANG	Nam	11/05/2011			16.75	1	4	3
#	30	10A2	060473	-	ĐỖ MINH QUÂN	Nam	30/11/2011			14.00	3	4	2
#	31	10A2	060524	-	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	Nữ	09/06/2011			17.25	1	4	3
#	32	10A2	050572	-	BÙI QUỐC THÁI	Nam	27/03/2011			17.00	1	2	3
#	33	10A2	060563	-	LƯƠNG GIA THIÊN	Nam	22/11/2011			11.25	1	4	2
#	34	10A2	060568	-	TRƯƠNG VÕ THANH THIÊN	Nam	18/10/2011			13.75	1	4	3
#	35	10A2	060570	-	LÊ ANH THỊNH	Nam	20/12/2011			15.00	1	2	3
#	36	10A2	050612	-	NGUYỄN HOÀI THÔNG	Nam	02/02/2011			16.25	1	3	4
#	37	10A2	050627	-	ĐỖ THỊ ANH THU	Nữ	02/08/2011			16.25	1	3	4
#	38	10A2	060597	-	LÊ MINH THU	Nữ	22/03/2011			11.25	1	2	4
#	39	10A2	060608	-	ĐỖ PHI THƯỜNG	Nam	27/10/2011			13.00	1	2	4
#	40	10A2	060593	-	NGUYỄN KIỀU DUY THUYỀN	Nam	25/03/2011			12.75	1	4	3
#	41	10A2	050660	-	BÙI VĂN TÌNH	Nam	03/11/2011			17.50	1	4	3
#	42	10A2	060631	-	NGUYỄN LÊ PHƯỚC TOÀN	Nam	24/08/2011			12.25	1	4	3
#	43	10A2	060663	-	NGUYỄN NHẬT THANH TRÚC	Nữ	16/12/2011			12.00	3	1	2
#	44	10A2	060692	-	TRƯƠNG QUANG TÙNG	Nam	18/11/2011			19.00	1	4	2
#	45	10A2	100767	-	PHAN DƯƠNG HÙNG VỸ	Nam	11/06/2011			15.25	1	4	2
1	1	10A3	060003	-	NGUYỄN KHÁNH AN	Nữ	23/07/2011			17.75	1	4	3

STT	TTLP	Lớp	SBD	Điểm	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV3
								Thi lý thuyết	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ				
#	2	10A3	100015	-	ĐỖ HOÀI ANH	Nữ	22/08/2011				21.00	1	4	2
#	3	10A3	050009	-	DƯƠNG PHƯỚC ANH	Nam	21/11/2011				15.5	1	4	3
#	4	10A3	060012	-	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	04/07/2011				15.00	1	3	2
#	5	10A3	060027	-	NGUYỄN ĐẶNG GIA BẢO	Nam	26/10/2011				17.25	1	3	4
#	6	10A3	060103	-	ĐỖ HUỲNH MINH ĐẠT	Nam	17/12/2011				15.00	1	4	2
#	7	10A3	060111	-	NGUYỄN SĨ ĐÌNH	Nam	19/10/2011				11.5	1	4	3
#	8	10A3	050103	-	ĐÀO ĐỒNG THỊ ĐỊNH	Nữ	26/04/2011				16.50	1	2	4
#	9	10A3	050169	-	LÊ HỒ QUỲNH HOA	Nữ	04/01/2011				15.75	1	4	2
#	10	10A3	100207	-	BÙI NGUYỄN THU HỒNG	Nữ	27/03/2011				15.5	1	2	3
#	11	10A3	050220	-	PHẠM NGUYỄN HÙNG	Nam	14/10/2011				17.50	1	2	4
#	12	10A3	060189	-	LƯU HUỲNH GIA HUY	Nam	01/06/2011				13.00	1	4	3
#	13	10A3	100218	-	NGUYỄN NGỌC HUY	Nam	01/12/2011				17.00	1	3	4
#	14	10A3	060222	-	BÙI LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	14/06/2011				16.25	1	2	4
#	15	10A3	050260	-	NGUYỄN MINH KHOA	Nam	05/01/2011				15.75	1	4	3
#	16	10A3	060230	-	NGUYỄN TỪ ANH KHOA	Nam	05/10/2011				11.75	1	4	3
#	17	10A3	060234	-	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	13/10/2011				16.50	1	2	4
#	18	10A3	100312	-	NGUYỄN THÀNH KHÔI	Nam	31/05/2011				18.25	1	3	4
#	19	10A3	050274	-	NGUYỄN ĐỖ TRUNG KIÊN	Nam	18/10/2011				16.00	1	4	2
#	20	10A3	060263	-	NGUYỄN MINH LÀNH	Nam	03/05/2011				13.75	1	4	3
#	21	10A3	060278	-	TRƯƠNG HOÀNG LONG	Nam	13/02/2011				13.25	1	4	3
#	22	10A3	060286	-	NGUYỄN THỊ THẢO LUY	Nữ	03/01/2011				14.25	1	2	4
#	23	10A3	100360	-	VÕ THÀNH MẠNH	Nam	04/01/2011				19.25	1	4	2
#	24	10A3	050388	-	TRẦN HỮU NGHĨA	Nam	17/01/2011				16.75	1	4	3
#	25	10A3	050415	-	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGUYỄN	Nữ	27/07/2011				17.25	1	2	3
#	26	10A3	110493	-	NGUYỄN HỒNG MINH NHẬT	Nữ	20/05/2011				15	1	3	4
#	27	10A3	050458	-	PHẠM TRƯƠNG TUỆ NHƯ	Nữ	31/08/2011				16.25	1	4	3
#	28	10A3	060457	-	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nữ	12/03/2011				11.75	1	4	2
#	29	10A3	050520	-	NGUYỄN HUỲNH CHIÊU QUÂN	Nam	16/11/2011				17.50	1	4	3
#	30	10A3	100561	-	VÕ DUY ANH QUỐC	Nam	01/03/2011				20.50	1	4	2
#	31	10A3	050529	-	NGUYỄN BẢO QUYÊN	Nữ	22/09/2011				15.75	4	2	3
#	32	10A3	060504	-	LÝ DIỄM QUỲNH	Nữ	22/02/2011				12.75	1	4	2
#	33	10A3	050551	-	PHẠM HÀ PHƯỚC SANG	Nam	14/04/2011				14.75	1	3	4
#	34	10A3	100602	-	HỒ CHÂU PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/01/2011				19.75	1	4	2
#	35	10A3	060567	-	TRƯƠNG QUANG THIÊN	Nam	08/11/2011				12.50	1	2	4
#	36	10A3	060576	-	PHAN QUỐC THỊNH	Nam	14/09/2011				16.75	1	3	4
#	37	10A3	060583	-	LÊ TỰ NGỌC THO	Nữ	03/05/2011				17.00	1	4	3
#	38	10A3	050630	-	LƯU NGUYỄN ANH THU	Nữ	29/11/2011				17.25	1	4	3
#	39	10A3	060605	-	NGUYỄN NGỌC VĂN THƯƠNG	Nam	08/10/2011				14.50	1	4	3
#	40	10A3	060652	-	NGUYỄN VIỆT TRÍ	Nam	11/09/2011				13.75	1	4	2
#	41	10A3	060672	-	ĐỖ QUANG TRƯỜNG	Nam	27/09/2011				15.00	1	4	3
#	42	10A3	060683	-	NGUYỄN HOÀI THIÊN TÚ	Nam	07/12/2011				12.00	1	3	2
#	43	10A3	050723	-	NGUYỄN LÊ KIM TUYỀN	Nữ	12/09/2011				16.25	1	4	2
#	44	10A3	060704	-	NGUYỄN CÔNG VĂN	Nam	31/05/2011				17.50	1	4	2
#	45	10A3	100757	-	HỒ NGUYỄN VŨ	Nam	26/04/2011				18.75	1	4	3
#	1	10A4	060028	-	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	15/11/2011				14.75	1	3	4
#	2	10A4	100048	-	PHẠM THIÊN BẢO	Nam	14/02/2011				20.00	1	4	3

STT	TTLP	Lớp	SBD	Điểm	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi				Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV3
								Thi lý thuyết	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ	Thi chuyên môn				
#	3	10A4	100065	—	NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	16/09/2011					20.00	1	4	3
#	4	10A4	100074	—	VÕ PHẠM GIA CHÂU	Nữ	05/08/2011					18.50	1	2	4
#	5	10A4	060055	—	ĐỖ VĂN CHIẾN	Nam	29/10/2011					12.75	1	4	2
#	6	10A4	060060	—	HUỲNH THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	10/11/2011					13.00	1	4	2
#	7	10A4	060067	—	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	19/11/2011					15.50	1	4	3
#	8	10A4	060085	—	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	17/06/2010					15.75	1	4	3
#	9	10A4	050145	—	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	18/07/2011					17.25	1	3	2
#	10	10A4	060173	—	ĐỖ MINH HOÀNG	Nam	06/02/2011					12.25	1	3	4
#	11	10A4	060172	—	DƯƠNG THIÊN HOÀNG	Nam	16/07/2011					13.50	1	2	3
#	12	10A4	060180	—	HỒ MINH HÙNG	Nam	28/10/2011					15.25	1	4	2
#	13	10A4	050189	—	NGUYỄN LÂM GIA HUY	Nam	09/08/2011					17.50	1	4	2
#	14	10A4	060220	—	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	11/11/2011					17.00	1	4	2
#	15	10A4	060224	—	HÀ ANH KHOA	Nam	07/06/2011					19.00	1	4	2
#	16	10A4		—	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	17/08/2011	Quảng Ngãi					1	2	4
#	17	10A4	060253	—	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	10/05/2011					15.75	1	4	3
#	18	10A4	060259	—	VÕ NGỌC KIỀU	Nữ	12/12/2011					15.00	1	4	3
#	19	10A4	050297	—	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	11/10/2011					16.50	1	4	2
#	20	10A4	060282	—	LÊ BÙI MINH LỢI	Nam	23/03/2011					15.00	1	4	3
#	21	10A4	060333	—	LÊ HOÀI NAM	Nam	02/08/2011					13.00	1	4	3
#	22	10A4	060354	—	NGUYỄN PHÁP NGHỊ	Nam	28/03/2011					13.75	1	2	3
#	23	10A4	050411	—	HỒ MAI TRUNG NGUYỄN	Nam	17/11/2011					16.50	1	4	3
#	24	10A4	050419	—	TRẦN THỊ TƯỜNG NGUYỄN	Nữ	20/05/2011					16.00	1	4	3
#	25	10A4	060383	—	NGUYỄN PHƯƠNG NHÃ	Nữ	20/03/2011					14.25	1	4	2
#	26	10A4	060396	—	VÕ THỐI NGUYỄN LONG NHẬT	Nam	10/03/2011					11.5	1	4	2
#	27	10A4	060418	—	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	15/05/2011					15.00	1	4	2
#	28	10A4	050468	—	HUỲNH TẤN PHÁT	Nam	21/07/2011					16.00	1	4	3
#	29	10A4	050486	—	NGUYỄN HÒA PHONG	Nam	14/02/2011					16.25	1	4	3
#	30	10A4	050506	—	TRẦN VÕ KIM PHÚC	Nữ	21/06/2011					17.25	1	3	2
#	31	10A4	100551	—	BÙI THANH QUANG	Nam	04/12/2011					17.25	1	4	3
#	32	10A4	090881	—	HỒ NGỌC SANG	Nam	18/09/2011					17.50	1	4	3
#	33	10A4	060532	—	BÙI TẤN THẠCH	Nam	10/06/2011					11.75	1	2	4
#	34	10A4	060552	—	NGUYỄN BÙI THANH THẮNG	Nam	30/11/2011					18.00	1	2	3
#	35	10A4	060546	—	NGUYỄN TRƯƠNG THIÊN THẢO	Nữ	02/08/2011					16.25	1	4	3
#	36	10A4	060571	—	LƯƠNG PHÚC THỊNH	Nam	18/04/2011					18.25	1	4	2
#	37	10A4	060617	—	TRẦN THỊ THÚY TIÊN	Nữ	25/07/2011					12.00	1	4	2
#	38	10A4	060639	—	VŨ BÙI THÙY TRANG	Nữ	27/12/2010					17.25	1	3	4
#	39	10A4	100719	—	ĐỖ NGỌC ANH TÚ	Nam	08/04/2011					16.75	1	4	3
#	40	10A4	060686	—	TRẦN MINH TÚ	Nam	12/02/2011					13.75	1	4	3
#	41	10A4	050743	—	NGUYỄN TỪ THANH VÂN	Nữ	09/05/2011					16.25	1	4	3
#	42	10A4	060722	—	TÔ VĂN VƯƠNG	Nam	13/12/2011					14.75	1	4	2
#	43	10A4	091129	—	BÙI VÕ THÚY VY	Nữ	27/02/2011					21.00	1	2	3
6	1	10A5	050003	—	LÊ NGUYỄN HOÀI AN	Nữ	05/07/2011					15.25	4	2	3
#	2	10A5	060010	—	LƯƠNG QUỐC ANH	Nam	10/05/2011					11.25	2	4	3
#	3	10A5	060014	—	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	05/07/2011					17.25	4	2	1
#	4	10A5	060035	—	TRẦN QUỐC BẢO	Nam	19/08/2011					12.50	4	2	3
#	5	10A5	060090	—	TÔN NỮ KIỀU DUYỀN	Nữ	22/06/2011					13.25	2	4	1

STT	TTLP	Lớp	SBD	Điểm	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV3
								Thi lý thuyết	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ				
#	6	10A5	060100	-	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	Nam	15/09/2011				12.25	4	2	3
#	7	10A5	100189	-	ĐẶNG NGUYỄN THANH HIẾU	Nữ	13/03/2011				20.00	2	4	3
#	8	10A5	060166	-	ĐỖ ĐẠT QUỐC HIẾU	Nam	25/11/2011				12.00	3	2	1
#	9	10A5	060169	-	BÙI THỊ THÚY HOA	Nữ	12/06/2011				11.25	2	4	3
#	10	10A5	060215	-	MAI TẤN KHANG	Nam	21/02/2011				14.75	2	1	4
#	11	10A5	060269	-	NGUYỄN LÊ HOÀNG LINH	Nữ	26/06/2011				12.75	2	1	3
#	12	10A5	050310	-	NGUYỄN THỊ BẢO LỘC	Nữ	13/08/2011				16.50	2	1	3
#	13	10A5	100353	-	VÕ LÊ THĂNG LONG	Nam	04/03/2011				18.25	2	4	3
#	14	10A5	060301	-	ĐỖ KIM MẶN	Nam	19/08/2011				16.75	4	2	1
#	15	10A5	060319	-	PHẠM NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	15/02/2011				11.75	4	2	1
#	16	10A5	060321	-	TRẦN DIỄM MY	Nữ	06/12/2011				11.5	2	3	4
#	17	10A5	060324	-	VÕ THỊ HIỀN MY	Nữ	16/09/2011				13.75	4	2	3
#	18	10A5	060327	-	BÙI PHAN LY NA	Nữ	23/12/2011				17.00	2	3	4
#	19	10A5	060329	-	NGÔ THỊ PHƯƠNG NA	Nữ	19/10/2011				15.25	2	4	1
#	20	10A5	060352	-	TRƯƠNG NGUYỄN TUỜNG NGÂN	Nữ	24/01/2011				12.50	2	4	3
#	21	10A5	060405	-	PHẠM VŨ QUỲNH NHI	Nữ	17/05/2011				15.00	4	2	1
#	22	10A5	060455	-	ĐỖ PHAN HỒNG PHÚC	Nữ	27/04/2011				17.75	2	4	3
#	23	10A5	060485	-	LÊ MINH QUÝ	Nam	08/02/2011				13.00	3	2	4
#	24	10A5	050533	-	BÙI NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	19/01/2011				15.75	2	4	1
#	25	10A5	060502	-	LÊ NỮ DIỄM QUỲNH	Nữ	01/01/2011				16.75	2	4	3
#	26	10A5	100575	-	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	17/07/2011				19.00	2	4	3
#	27	10A5	050576	-	NGUYỄN HUYỀN THANH	Nữ	19/06/2011				16.25	2	4	3
#	28	10A5	060545	-	NGUYỄN HOÀNG THẢO	Nữ	01/10/2011				11.75	2	3	4
#	29	10A5	060558	-	ĐẶNG HỒNG THIÊN	Nam	30/08/2011				14.00	2	4	3
#	30	10A5	060602	-	NGUYỄN NỮ ANH THU	Nữ	24/01/2011				14.25	2	3	4
#	31	10A5	060606	-	NGUYỄN TIẾN THƯƠNG	Nam	14/04/2011				15.75	2	4	3
#	32	10A5	060646	-	TRẦN THỊ BẢO TRÂM	Nữ	06/06/2011				13.75	2	4	3
#	33	10A5	060636	-	NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG	Nữ	24/01/2011				14.75	2	4	3
#	34	10A5	060665	-	PHẠM THANH TRÚC	Nữ	11/10/2011				11.5	2	4	3
#	35	10A5	060682	-	HUỲNH CẨM TÚ	Nữ	13/12/2011				15.75	2	4	1
#	36	10A5	060697	-	TRẦN ÁNH TUYẾT	Nữ	25/09/2011				12.00	2	1	4
#	37	10A5	060714	-	PHAN VĂN VINH	Nam	19/11/2011				11.5	2	4	3
#	38	10A5	060718	-	HUỲNH NGỌC VŨ	Nam	30/01/2011				13.25	2	1	4
#	39	10A5	060733	-	TRẦN THỊ ÁNH VY	Nữ	23/05/2011				13.50	2	3	4
#	40	10A5	060738	-	NGUYỄN TUẤN VỸ	Nam	12/10/2011				15.25	2	4	3
#	41	10A5	060745	-	NGUYỄN PHẠM NHƯ Ý	Nữ	18/05/2011				12.25	2	1	4
#	1	10A6	060009	-	LÊ NGUYỄN KIM ANH	Nữ	14/10/2011				15.00	2	3	4
#	2	10A6	060044	-	TRẦN HUYỀN CHÂN	Nữ	24/09/2011				13.75	2	4	3
#	3	10A6	060056	-	HUỲNH QUANG CHUNG	Nam	21/11/2011				12.50	2	4	3
#	4	10A6	060063	-	NGÔ THỊ MỸ DUNG	Nữ	28/02/2011				12.50	2	3	4
#	5	10A6	060093	-	PHẠM TRẦN ÁNH DƯƠNG	Nữ	10/01/2011				15.50	2	4	3
#	6	10A6	060078	-	ĐỖ THỊ HƯƠNG DUYÊN	Nữ	10/05/2011				14.00	2	4	1
#	7	10A6	100103	-	NGUYỄN LÊ KỶ DUYÊN	Nữ	01/05/2011				18.00	2	3	4
#	8	10A6	060125	-	ĐỖ THỊ THANH HÀ	Nữ	06/05/2011				15.25	2	4	1
#	9	10A6	060128	-	TRƯƠNG QUANG HÀ	Nam	31/08/2011				12.25	2	4	1
#	10	10A6	090249	-	ĐẶNG TRẦN GIA HÂN	Nữ	05/09/2011				17.00	2	3	4

STT	TTLP	Lớp	SBD	Điểm	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi				Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV3
								Thi lý thuyết	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ	Thi năng khiếu				
#	11	10A6	060139	-	TRƯƠNG GIA HÀO	Nam	24/10/2011					14.00	2	4	3
#	12	10A6	060176	-	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	09/09/2011					12.00	2	4	3
#	13	10A6	060200	-	ĐỖ BÁ DUY HÙNG	Nam	07/07/2011					15.50	4	2	3
#	14	10A6	060184	-	ĐẶNG ANH HUY	Nam	27/09/2011					11.25	2	4	3
#	15	10A6	060267	-	DƯƠNG THÙY LINH	Nữ	04/12/2010					11.25	2	3	4
#	16	10A6	060291	-	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	18/09/2011					12.75	2	1	4
#	17	10A6	060304	-	NGUYỄN THỊ HỒNG MI	Nữ	18/04/2011					17.25	2	4	3
#	18	10A6	090580	-	TRẦN LÊ HOÀNG MY	Nữ	23/02/2011					20.25	2	3	4
#	19	10A6	060332	-	PHẠM NGUYỄN ÁNH NA	Nữ	18/06/2011					14.75	2	4	1
#	20	10A6	060342	-	LÊ THỊ NGÂN	Nữ	11/12/2011					12.00	2	1	3
#	21	10A6	060362	-	TRƯƠNG TÂN NGHĨA	Nam	15/01/2011					14.25	2	4	1
#	22	10A6	060364	-	BÙI NHƯ NGỌC	Nữ	10/07/2011					13.75	2	4	
#	23	10A6	060366	-	HUỲNH THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	02/09/2011					11.75	2	4	3
#	24	10A6	100431	-	NGUYỄN HOÀNG BẢO NGỌC	Nữ	03/04/2011					19.50	2	3	4
#	25	10A6	060397	-	HUỲNH THỊ YẾN NHI	Nữ	22/03/2011					17.00	3	2	1
#	26	10A6	100503	-	TRẦN BẢO NHƯ	Nữ	22/05/2011					17.50	2	3	4
#	27	10A6	060437	-	LÊ QUANG PHÁT	Nam	29/09/2011					11.75	4	2	3
#	28	10A6	110529	-	NGÔ NHẬT HOÀNG PHÁT	Nam	23/05/2011					14.75	2	4	3
#	29	10A6	060469	-	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	28/11/2011					11.5	2	4	1
#	30	10A6	060478	-	PHẠM VIỆT QUÂN	Nam	10/12/2011					13.50	4	2	3
#	31	10A6	050524	-	VÕ TRUNG QUÂN	Nam	01/05/2011					16.00	2	4	3
#	32	10A6	050540	-	NGUYỄN HOA THANH QUỲNH	Nữ	20/04/2011					15.75	2	4	3
#	33	10A6	060510	-	TRƯƠNG QUANG SANG	Nam	10/09/2011					16.75	2	1	4
#	34	10A6	090884	-	NGUYỄN TÀI SINH	Nam	29/04/2011					18.50	2	3	4
#	35	10A6	100590	-	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	Nữ	26/06/2011					16.50	2	4	3
#	36	10A6	060572	-	NGUYỄN TẤN THỊNH	Nam	23/07/2011					13.00	2	1	3
#	37	10A6	060599	-	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	16/02/2011					12.50	2	3	4
#	38	10A6	100630	-	HUỲNH KIM THÙY	Nữ	29/04/2011					16.25	2	3	4
#	39	10A6	060618	-	ĐỖ THỊ THANH TIỀN	Nữ	21/05/2011					13.25	2	4	3
#	40	10A6	050665	-	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	21/07/2011					15	2	4	3
#	41	10A6	060644	-	NGUYỄN THỊ TRÂM	Nữ	11/09/2011					11.75	2	4	3
#	42	10A6	060648	-	ĐỖ NGUYỄN BẢO TRÂN	Nữ	20/09/2011					14.25	2	4	3
#	43	10A6	060707	-	LÊ THỊ MỸ VÂN	Nữ	03/12/2011					11.5	3	2	4
#	44	10A6	060737	-	HUỲNH HỒ HỒNG VỸ	Nữ	11/12/2011					12.00	2	3	4
#	45	10A6	060746	-	VÕ NHƯ Ý	Nữ	26/10/2011					16.00	2	3	4
#	1	10A7	060017	-	TRƯƠNG NGỌC ÁNH	Nữ	05/05/2011					13.50	2	3	4
#	2	10A7	060041	-	NGUYỄN VĂN BÌNH	Nam	20/01/2011					14.50	4	2	3
#	3	10A7	060047	-	LÊ THỊ KIỀU CHÂU	Nữ	31/08/2011					12.00	2	4	3
#	4	10A7	050052	-	NGUYỄN HOÀNG BẢO CHÂU	Nữ	15/10/2011					16.50	2	4	3
#	5	10A7	060050	-	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	23/07/2011					11.75	2	4	3
#	6	10A7	100075	-	ĐẶNG QUỲNH CHI	Nữ	08/12/2011					18.25	4	2	3
#	7	10A7	060119	-	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	29/06/2011					11.25	2	3	4
#	8	10A7	060121	-	NGUYỄN NỮ NGỌC GIÀU	Nữ	27/06/2011					12.25	4	2	3
#	9	10A7	110158	-	NGUYỄN CAO HẢI HÀ	Nữ	27/08/2011					15	2	3	4
#	10	10A7	060131	-	HUỲNH MINH TRUNG HẢI	Nam	15/09/2011					11.5	2	4	3
#	11	10A7	060151	-	NGUYỄN TRẦN GIA HÂN	Nữ	20/12/2011					12.50	2	4	1

STT	TTLP	Lớp	SBD	Điểm	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi				Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV3
								Thi lý thuyết	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ	Thi năng khiếu				
#	12	10A7	060138	-	TRẦN NGUYỄN NHẬT HÀO	Nam	20/04/2011					12.25	4	2	1
#	13	10A7	050188	-	LÊ TRẦN HUY	Nam	10/06/2011					16.25	2	1	4
#	14	10A7	050194	-	NGUYỄN TẤN HUY	Nam	12/05/2011					15.5	2	4	1
#	15	10A7	060256	-	NGUYỄN THỊ DIỄM KIỀU	Nữ	30/09/2011					13.75	2	3	4
#	16	10A7	060258	-	NGUYỄN TRẦN DIỄM KIỀU	Nữ	17/10/2011					16.75	4	2	3
#	17	10A7	060294	-	PHẠM THỊ KHÁNH LY	Nữ	27/12/2011					15.25	2	3	1
#	18	10A7	060300	-	TRƯƠNG NGUYỄN TRIỆU MÃN	Nữ	17/04/2011					14.00	4	2	3
#	19	10A7	060298	-	ĐỖ CAO DUY MẠNH	Nam	19/09/2011					12.00	2	1	4
#	20	10A7	050328	-	HÀ THẢO MY	Nữ	16/07/2011					17.00	2	4	3
#	21	10A7	060325	-	ĐOÀN CHÂU MỸ MỸ	Nữ	03/07/2011					17.25	2	4	1
#	22	10A7	110436	-	ĐẶNG NGUYỄN THANH NGÂN	Nữ	15/01/2011					14.75	2	3	4
#	23	10A7	060340	-	ĐỖ THỊ BÍCH NGÂN	Nữ	29/06/2011					12.75	2	4	3
#	24	10A7	090657	-	NGUYỄN KIỀU NHƯ NGỌC	Nữ	11/11/2011					21.00	2	4	3
#	25	10A7	060380	-	VÕ NGUYỄN ÁNH NGUYỄN	Nữ	27/07/2011					16.25	2	4	3
#	26	10A7	060416	-	MAI QUỲNH NHƯ	Nữ	19/08/2011					11.75	2	4	3
#	27	10A7	050459	-	PHAN VÕ TÂM NHƯ	Nữ	19/05/2011					17.50	2	4	3
#	28	10A7	060424	-	TRẦN BÌNH UYÊN NHƯ	Nữ	03/09/2011					12.00	2	4	3
#	29	10A7	100522	-	LÊ PHƯƠNG PHI	Nữ	06/07/2011					19.50	3	2	4
#	30	10A7	050484	-	LÝ NGUYỄN HOÀNG PHONG	Nam	14/09/2011					17.00	2	4	3
#	31	10A7	110574	-	PHAN PHẠM THANH QUÂN	Nam	09/08/2011					15	2	4	3
#	32	10A7	060496	-	BÙI ĐẶNG NHƯ QUỲNH	Nữ	10/06/2011					11.5	2	4	3
#	33	10A7	060530	-	NGUYỄN VÕ HOÀNG TẤN	Nam	16/12/2011					11.75	2	1	4
#	34	10A7	060537	-	NGUYỄN PHƯƠNG THÁI	Nữ	02/09/2011					11.75	2	4	3
#	35	10A7	060543	-	BÙI ĐỨC THẠNH	Nam	30/04/2011					13.50	2	4	3
#	36	10A7	060569	-	HỒ HOÀNG PHƯỚC THỊNH	Nam	14/02/2011					12.50	2	4	3
#	37	10A7	050616	-	NGUYỄN NHÃ ANH THƠ	Nữ	10/09/2011					15.75	3	2	1
#	38	10A7	060580	-	TÔN NỮ HUỲNH THOA	Nữ	12/10/2011					11.25	2	4	3
#	39	10A7	060603	-	NGUYỄN PHƯƠNG THU	Nữ	02/09/2011					12.50	2	4	3
#	40	10A7	050634	-	NGUYỄN THÁI ANH THU	Nữ	28/05/2011					17.00	2	4	3
#	41	10A7	060589	-	LÊ MINH THÙY	Nữ	09/08/2011					13.75	2	4	3
#	42	10A7	110746	-	PHẠM BẢO TRÂN	Nữ	01/09/2011					15	2	3	4
#	43	10A7	060696	-	LƯƠNG THỊ KIM TUYẾN	Nữ	23/10/2011					15.50	2	4	1
#	44	10A7	060705	-	NGUYỄN TRỊNH NGỌC VĂN	Nam	07/03/2011					13.00	2	4	1
#	1	10A8	060036	-	VÕ GIA BẢO	Nam	22/06/2011					12.25	2	3	4
#	2	10A8	050073	-	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	Nữ	16/12/2011					17.50	4	2	3
#	3	10A8	100158	-	NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	15/12/2011					20.00	2	3	4
#	4	10A8	060144	-	HUỲNH NGỌC GIA HÂN	Nữ	02/11/2011					12.75	2	1	4
#	5	10A8	060162	-	ĐỖ THỊ HIẾU	Nữ	05/03/2011					11.25	2	4	3
#	6	10A8	060201	-	LÊ GIA HÙNG	Nam	29/11/2011					15.25	2	4	1
#	7	10A8	060211	-	ĐỖ TRỌNG KHA	Nam	21/11/2011					14.75	2	4	3
#	8	10A8	060212	-	PHẠM HOÀNG DUY KHA	Nam	09/08/2011					13.75	2	1	4
#	9	10A8	050247	-	TRẦN NHƯ KHÁNH	Nữ	15/04/2011					16.50	2	4	3
#	10	10A8	060223	-	ĐÌNH NGUYỄN DUY KHOA	Nam	03/11/2011					13.25	2	3	4
#	11	10A8	060237	-	TRẦN ĐĂNG KHÔI	Nam	22/01/2011					11.5	2	4	1
#	12	10A8	060240	-	HOÀNG MINH KHUÊ	Nam	29/09/2011					17.50	2	4	3
#	13	10A8	060257	-	NGUYỄN THỊ MỸ KIỀU	Nữ	02/08/2011					12.50	2	4	3

STT	TTLP	Lớp	SBD	Điểm	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi				Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV3
								Thi lý thuyết	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ	Thi năng khiếu				
#	14	10A8	060303	-	NGUYỄN THỊ HÀ MI	Nữ	12/11/2011					11.75	2	3	4
#	15	10A8	060305	-	TRẦN THỊ HÀ MI	Nữ	20/10/2011					13.75	2	4	3
#	16	10A8	060306	-	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	25/11/2011					13.00	4	2	1
#	17	10A8	060314	-	NGUYỄN KIỀU THỊ THẢO MY	Nữ	24/06/2011					11.5	2	3	4
#	18	10A8	050335	-	NGUYỄN THỊ HÒA MY	Nữ	01/01/2011					15.25	2	4	3
#	19	10A8	050337	-	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	31/08/2011					17.00	2	3	4
#	20	10A8	060322	-	TRẦN THẢO MY	Nữ	28/06/2011					12.00	2	4	3
#	21	10A8	050344	-	VÕ THỊ HIỀN MY	Nữ	03/02/2011					14.75	2	3	4
#	22	10A8	060331	-	NGUYỄN NHẬT LY NA	Nữ	08/03/2011					15.00	2	4	3
#	23	10A8	060344	-	NGUYỄN LIÊN HẢI THU NGÂN	Nữ	07/12/2011					15.75	2	4	3
#	24	10A8	060346	-	NGUYỄN PHẠM KIM NGÂN	Nữ	08/10/2011					17.25	2	3	4
#	25	10A8	050428	-	BÙI ĐÌNH NHÂN	Nam	23/09/2011					16.50	3	2	4
#	26	10A8	060404	-	PHẠM NGUYỄN TUYẾT NHI	Nữ	03/10/2011					13.00	3	2	1
#	27	10A8	050463	-	VÕ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	26/05/2011					16.75	2	4	3
#	28	10A8	050525	-	BÙI NGUYỄN QUỲNH QUYÊN	Nữ	20/09/2011					16.25	2	4	3
#	29	10A8	060523	-	LƯƠNG NGUYỄN MỸ TÂM	Nữ	05/03/2011					11.5	4	2	3
#	30	10A8	060536	-	NGUYỄN DUY THÁI	Nam	26/02/2011					14.00	2	3	4
#	31	10A8	050573	-	NGUYỄN GIA THÁI	Nam	16/03/2011					15.75	2	4	3
#	32	10A8	060573	-	NGUYỄN THÁI THỊNH	Nam	20/01/2011					11.75	2	3	4
#	33	10A8	060604	-	NGUYỄN LÊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	02/01/2011					15.75	2	4	3
#	34	10A8	060609	-	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	Nữ	10/09/2011					12.00	2	3	4
#	35	10A8	060616	-	TRẦN THỊ THÚY TIÊN	Nữ	27/04/2011					12.25	2	3	4
#	36	10A8	060640	-	BẠCH THỊ HUYỀN TRÂM	Nữ	01/07/2011					13.75	2	4	1
#	37	10A8		-	NGUYỄN LÝ THÙY TRÂM	Nữ	25/10/2011	Quảng Ngãi					2	4	3
#	38	10A8	110736	-	NGUYỄN THỊ THÙY TRÂM	Nữ	22/09/2011					14.75	2	3	1
#	39	10A8	100682	-	BÙI MINH QUỲNH TRÂN	Nữ	19/09/2011					17.50	2	4	1
#	40	10A8	060701	-	NGÔ THỊ THU UYÊN	Nữ	01/01/2011					17.00	2	4	3
#	41	10A8	060725	-	LÊ THẢO VY	Nữ	15/05/2011					15.00	2	4	1
2	1	10A9	060004	-	PHẠM ĐỨC HÒA AN	Nam	27/02/2011					13.50	4	1	2
5	2	10A9	060005	-	VY BẢO AN	Nam	19/05/2011					11.75	4	2	1
#	3	10A9	060016	-	TRẦN NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	11/03/2011					17.25	4	1	3
#	4	10A9	060038	-	NGUYỄN BẠCH NGỌC BÍCH	Nữ	06/09/2011					12.25	4	2	3
#	5	10A9	060052	-	PHẠM BẢO CHÂU	Nam	16/07/2011					12.50	4	1	3
#	6	10A9	060091	-	LÊ THÙY DƯƠNG	Nữ	16/06/2011					18.50	4	1	2
#	7	10A9	060084	-	NGUYỄN THỊ KHÁNH DUYÊN	Nữ	02/09/2011					12.75	4	2	1
#	8	10A9	050095	-	ĐỖ QUỐC ĐẠT	Nam	08/08/2011					17.25	4	1	2
#	9	10A9	060120	-	PHẠM BÙI CHÂU GIANG	Nữ	04/10/2011					14.00	4	1	3
#	10	10A9	100171	-	BÙI HOÀNG GIA HÂN	Nữ	22/04/2011					19.00	4	3	1
#	11	10A9	060148	-	NGUYỄN GIA HÂN	Nam	03/06/2011					11.25	4	2	3
#	12	10A9	060149	-	NGUYỄN HUỲNH BẢO HÂN	Nữ	13/07/2011					16.25	4	1	3
#	13	10A9	050159	-	NGUYỄN NHƯ HIỀN	Nữ	12/10/2011					16.00	4	1	3
#	14	10A9	060171	-	NGUYỄN THỊ HIỀN HÒA	Nữ	23/07/2011					11.75	4	1	2
#	15	10A9	100245	-	NGUYỄN NGỌC GIA HÙNG	Nam	28/09/2011					18.25	4	2	1
#	16	10A9	100294	-	LƯƠNG VĂN KHOA	Nam	15/08/2011					17.50	4	2	3
#	17	10A9	050202	-	TRẦN GIA HUY	Nam	25/07/2011					14.75	4	1	2
#	18	10A9	110294	-	HUỲNH BẢO KHÁNH	Nam	02/05/2011					15	4	2	1

STT	TTLP	Lớp	SBD	Điểm	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV3
								Thi lý thuyết	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ				
#	19	10A9	060221	-	BẠCH ĐĂNG KHOA	Nam	18/02/2011	10	10	10	14.00	4	2	1
#	20	10A9	060226	-	LÊ PHẠM ANH KHOA	Nam	07/08/2011	10	10	10	14.25	4	2	1
#	21	10A9	060247	-	VÕ TRUNG KIÊN	Nam	19/05/2011	10	10	10	14.00	4	2	3
#	22	10A9	050318	-	VÕ VƯƠNG TIỂU LY	Nữ	09/08/2011	10	10	10	15.5	4	1	2
#	23	10A9	060309	-	BÙI THỊ DIỄM MY	Nữ	29/10/2011	10	10	10	11.25	4	2	1
#	24	10A9	100378	-	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	19/08/2011	10	10	10	18.00	4	1	2
#	25	10A9	050394	-	NGUYỄN ĐẶNG THIÊN NGỌC	Nữ	16/03/2011	10	10	10	14.75	4	2	3
#	26	10A9	060391	-	HUỲNH ĐỨC NHẬT	Nam	03/09/2011	10	10	10	15.50	4	1	2
#	27	10A9	050494	-	PHẠM GIA PHÚ	Nam	19/08/2011	10	10	10	16.50	4	2	3
#	28	10A9	050495	-	LÂM NGUYỄN PHÚC	Nam	03/09/2011	10	10	10	16.25	4	1	3
#	29	10A9	090800	-	NGÔ HỒNG PHÚC	Nam	04/05/2011	10	10	10	20.25	4	1	3
#	30	10A9	060506	-	NGUYỄN DẠ HƯƠNG QUỲNH	Nữ	29/01/2011	10	10	10	13.00	4	2	1
#	31	10A9	060516	-	PHẠM THỊ HỒNG SƯƠNG	Nữ	25/11/2011	10	10	10	15.00	4	2	3
#	32	10A9	060554	-	LÊ NGỌC KHÁNH THI	Nữ	12/07/2011	10	10	10	13.50	4	2	1
#	33	10A9	060562	-	LÊ NGUYỄN HỮU THIÊN	Nam	05/07/2011	10	10	10	15.25	4	2	1
#	34	10A9	060577	-	TRƯƠNG THÁI THỊNH	Nam	20/05/2011	10	10	10	12.00	4	2	3
#	35	10A9	060582	-	NGUYỄN TẤN THÔNG	Nam	21/06/2011	10	10	10	12.75	4	1	3
#	36	10A9	050649	-	TRƯƠNG QUỲNH BẢO THY	Nữ	24/06/2011	10	10	10	15.75	4	2	1
#	37	10A9	060630	-	PHẠM THANH TỊNH	Nam	12/01/2011	10	10	10	11.75	4	2	1
#	38	10A9	100688	-	BÙI QUANG TRÍ	Nam	01/03/2011	10	10	10	18.50	4	1	3
#	39	10A9	060656	-	NGUYỄN MINH TRIỀU	Nam	19/01/2011	10	10	10	15.75	4	1	3
#	40	10A9	060666	-	PHẠM THỊ NHƯ TRÚC	Nữ	23/11/2011	10	10	10	11.75	3	4	2
#	41	10A9	060668	-	NGUYỄN THANH TRUNG	Nam	26/07/2011	10	10	10	16.75	4	2	1
#	42	10A9	100734	-	NGUYỄN ĐỖ SƠN TÙNG	Nam	03/09/2011	10	10	10	15	4	2	3
#	43	10A9	060695	-	ĐẶNG THANH TUYỀN	Nữ	05/04/2011	10	10	10	14.50	4	2	1
#	44	10A9	050765	-	NGUYỄN HÒ THẢO VY	Nữ	26/01/2011	10	10	10	15.5	4	1	3
#	45	10A9	050766	-	NGUYỄN NGỌC TUỜNG VY	Nữ	20/03/2011	10	10	10	17.25	4	1	3
#	46	10A9	050781	-	PHAN LONG BÍCH NGỌC YẾN	Nữ	28/06/2011	10	10	10	16.50	4	1	3
#	1	10A10	100032	-	VÕ QUỲNH ANH	Nữ	06/04/2011	10	10	10	16.75	4	2	3
#	2	10A10	060040	-	NGUYỄN THÁI BÌNH	Nam	20/01/2011	10	10	10	15.25	4	2	3
#	3	10A10	110063	-	PHAN LÊ BẢO CHÂU	Nữ	19/08/2011	10	10	10	14.75	4	2	3
#	4	10A10	060069	-	HỒ NHẬT DUY	Nam	22/10/2011	10	10	10	12.50	4	1	2
#	5	10A10	060101	-	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	Nam	11/01/2011	10	10	10	13.00	4	2	1
#	6	10A10	060109	-	VÕ THÀNH ĐẠT	Nam	16/10/2011	10	10	10	14.00	3	2	4
#	7	10A10	050118	-	PHẠM HÀ GIANG	Nam	02/08/2011	10	10	10	17.25	4	1	2
#	8	10A10	050120	-	PHẠM THỊ TRÀ GIANG	Nữ	06/11/2011	10	10	10	16.50	4	3	1
#	9	10A10	050222	-	HUỲNH LÊ THIÊN HƯƠNG	Nữ	05/04/2011	10	10	10	16.00	4	1	3
#	10	10A10	060204	-	PHẠM HOÀI HƯƠNG	Nữ	20/02/2011	10	10	10	11.75	4	1	2
#	11	10A10	100300	-	NGUYỄN NGỌC DUY KHOA	Nam	09/01/2011	10	10	10	20.50	4	2	3
#	12	10A10	060238	-	VÕ ANH KHÔI	Nam	12/06/2011	10	10	10	16.00	4	1	3
#	13	10A10	060245	-	TRẦN BẢO KIÊN	Nam	06/03/2011	10	10	10	11.25	4	2	3
#	14	10A10	110335	-	ĐINH TUẤN KIẾT	Nam	11/10/2011	10	10	10	15	4	1	3
#	15	10A10	060252	-	NGUYỄN CẨM TUẤN KIẾT	Nam	09/12/2011	10	10	10	11.75	4	1	2
#	16	10A10	060270	-	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	20/02/2011	10	10	10	12.75	4	2	3
#	17	10A10	050317	-	VÕ THẢO LY	Nữ	17/06/2011	10	10	10	15.5	4	2	1
#	18	10A10	100379	-	PHẠM NGUYỄN HOÀI MY	Nữ	15/11/2011	10	10	10	19.25	4	2	3

STT	TTLP	Lớp	SBD	Điểm	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi				Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV3
								Thi lý thuyết	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ	Thi năng khiếu				
#	19	10A10	060330	-	NGUYỄN HA MY NA	Nữ	29/01/2011					12.25	4	1	2
#	20	10A10	050359	-	PHẠM THỊ THANH NGA	Nữ	25/05/2011					17.25	4	1	3
#	21	10A10	060343	-	NGUYỄN KIỀU NGÂN	Nữ	09/06/2011					14.00	4	2	3
#	22	10A10	060390	-	BÙI QUANG NHẬT	Nam	22/08/2011					14.00	4	2	1
#	23	10A10	100479	-	LÊ HUỲNH UYÊN NHI	Nữ	12/01/2011					18.50	4	1	2
#	24	10A10	060420	-	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	24/11/2011					14.75	4	3	2
#	25	10A10	060443	-	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	14/06/2011					15.50	4	2	3
#	26	10A10	110550	-	BÙI THANH PHÚC	Nam	04/07/2011					14.75	4	1	3
#	27	10A10	060464	-	TRẦN BÁ PHƯỚC	Nam	24/12/2011					16.25	4	1	3
#	28	10A10	060503	-	LƯƠNG VÕ NGỌC QUỲNH	Nữ	04/07/2011					11.25	4	2	3
#	29	10A10	060539	-	NGUYỄN LÊ MINH THÀNH	Nam	21/08/2011					14.25	4	2	3
#	30	10A10	060542	-	PHẠM CÔNG THÀNH	Nam	21/06/2011					13.50	4	3	1
#	31	10A10	100603	-	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/06/2011					18.00	4	2	3
#	32	10A10	060553	-	ĐỖ NGỌC THỂ	Nam	05/02/2010					16.50	4	2	1
#	33	10A10	050606	-	TRẦN THỊ THỊNH	Nữ	22/06/2011					17.50	4	2	1
#	34	10A10	060590	-	NGUYỄN THỊ BÍCH THUY	Nữ	17/08/2011					15.00	4	2	1
#	35	10A10	060594	-	NGUYỄN THỊ ÁNH THUYỀN	Nữ	29/06/2011					13.50	4	1	3
#	36	10A10	060619	-	BÙI VIỆT TIẾN	Nam	16/06/2011					18.25	4	2	1
#	37	10A10	060632	-	TRẦN PHƯỚC TOÀN	Nam	22/10/2011					15.25	4	3	2
#	38	10A10	060634	-	LÊ BẢO TRANG	Nữ	13/09/2011					18.50	4	2	3
#	39	10A10	060647	-	VÕ THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	03/03/2011					15.75	4	3	1
#	40	10A10	050688	-	TÔN ĐỨC TRÍ	Nam	27/04/2011					17.00	4	2	1
#	41	10A10	060659	-	DƯƠNG THANH TRỌNG	Nam	10/04/2011					11.75	4	2	3
#	42	10A10	060673	-	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	Nam	18/08/2011					12.00	4	2	3
#	43	10A10	100730	-	NGUYỄN PHAN THANH TUẤN	Nam	01/03/2011					18.50	4	1	3
#	44	10A10	060723	-	HUỲNH THÚY VY	Nữ	14/10/2011					11.75	4	1	3
#	45	10A10	060724	-	LÊ NGỌC MINH VY	Nữ	14/09/2011					15.50	4	2	3
#	46	10A10	060739	-	ĐỖ HOÀNG NHƯ Ý	Nữ	22/03/2011					13.00	4	1	3
3	1	10A11	100001	-	CAO THIÊN MỸ AN	Nữ	04/06/2011					19.75	4	3	2
#	2	10A11	100053	-	TRƯƠNG QUANG THÁI BÌNH	Nam	16/12/2011					18.50	4	2	1
#	3	10A11	060046	-	LÊ HUỲNH BẢO CHÂU	Nữ	05/03/2011					13.25	4	1	2
#	4	10A11	060053	-	NGUYỄN VĂN ANH CHÍ	Nam	10/03/2011					15.25	4	1	3
#	5	10A11	060064	-	NGUYỄN THUY DUNG	Nữ	18/05/2011					14.50	4	2	3
#	6	10A11	060074	-	NGUYỄN THANH DUY	Nam	19/09/2011					13.75	4	1	2
#	7	10A11	100097	-	TRẦN BÁ DUY	Nam	22/04/2011					17.00	4	2	3
#	8	10A11	060102	-	ĐINH THÀNH ĐẠT	Nam	16/04/2011					12.25	4	1	2
#	9	10A11	050104	-	BÙI NGUYỄN QUỲNH ĐOAN	Nữ	19/02/2011					14.75	4	1	3
#	10	10A11	060117	-	LÊ ĐỖ QUỲNH GIANG	Nữ	16/07/2011					13.50	4	2	3
#	11	10A11	060123	-	DƯƠNG QUẢNG HÀ	Nam	29/10/2011					15.50	4	3	2
#	12	10A11	050143	-	CAO NGỌC GIA HÂN	Nữ	29/11/2011					16.75	4	1	3
#	13	10A11	060153	-	TRẦN THỊ MỸ HÂN	Nữ	09/05/2011					11.5	4	1	2
#	14	10A11	050134	-	LÊ KIỀU MỸ HẠNH	Nữ	05/04/2011					15.75	4	1	3
#	15	10A11	050218	-	NGUYỄN QUỐC GIA HÙNG	Nam	07/12/2011					16.50	4	3	1
#	16	10A11	060188	-	LÊ NGỌC HUY	Nam	28/05/2011					12.25	4	2	3
#	17	10A11	060192	-	NGUYỄN NHẬT HUY	Nam	31/12/2011					12.00	3	4	2
#	18	10A11	060261	-	TRẦN BÍCH LAN	Nữ	17/06/2011					14.25	4	3	2

STT	TT Lớp	Lớp	SBD	Đ C u	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi				Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV 3
								Thi lý	Thi th	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ				
#	19	10A11	060279	-	ĐINH THỊ THÚY LỘC	Nữ	30/10/2011					11.75	4	2	3
#	20	10A11	050306	-	PHẠM HÀ LONG	Nam	02/08/2011					16.00	4	1	2
#	21	10A11	100371	-	HUỖNH TRÀ MY	Nữ	17/02/2011					15.5	4	3	1
#	22	10A11	050334	-	NGUYỄN THỊ HIỀN MY	Nữ	26/11/2011					16.50	4	2	1
#	23	10A11	060376	-	PHẠM NGUYỄN ĐOAN NGUYỄN	Nam	01/06/2011					11.25	4	1	3
#	24	10A11	050427	-	BẠCH NGỌC THÀNH NHÂN	Nam	02/09/2011					16.75	1	2	4
#	25	10A11	100471	-	ĐỖ MINH NHẬT	Nam	08/12/2011					20.50	4	2	3
#	26	10A11	050433	-	PHẠM CÔNG NHẬT	Nam	13/07/2011					15	4	2	1
#	27	10A11	050444	-	NGUYỄN TRANG DIỄM NHI	Nữ	05/05/2011					16.00	4	2	1
#	28	10A11	060430	-	NGUYỄN NỮ THÙY NINH	Nữ	28/11/2011					14.00	4	2	1
#	29	10A11	060434	-	HỒ TRƯỞNG NHẬT PHÁT	Nữ	27/11/2011					14.75	4	3	2
#	30	10A11	060438	-	MAI VĂN TÂN PHÁT	Nam	13/10/2011					11.75	4	3	2
#	31	10A11	100562	-	MAI VĂN QUÝ	Nam	19/06/2010					19.00	4	1	2
#	32	10A11	060501	-	LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	05/07/2011					18.50	4	2	3
#	33	10A11	060556	-	BÙI BẢO LONG THIÊN	Nam	27/02/2011					14.75	4	1	2
#	34	10A11	060557	-	CAO LÊ XUÂN THIÊN	Nam	10/02/2011					15.50	4	1	2
#	35	10A11	060581	-	TRẦN THẾ THOẠI	Nam	12/12/2011					16.50	4	1	3
#	36	10A11	060587	-	NGUYỄN MINH THUẬN	Nam	29/04/2011					14.25	4	2	3
#	37	10A11	060614	-	HỒ THẢO TIÊN	Nữ	28/12/2011					13.50	4	1	2
#	38	10A11	050664	-	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRÀ	Nữ	20/11/2011					17.50	4	2	1
#	39	10A11	060649	-	NGUYỄN BẢO TRÂN	Nữ	28/05/2011					15.25	4	2	3
#	40	10A11	060651	-	LÊ QUANG TRÍ	Nam	04/06/2011					12.50	4	1	2
#	41	10A11	060653	-	HUỖNH MINH TRIẾT	Nam	15/02/2011					13.00	4	1	2
#	42	10A11	060661	-	CAO VÕ ÁNH TRÚC	Nữ	22/08/2011					12.75	4	2	3
#	43	10A11	100721	-	ĐỖ VÂN CẨM TÚ	Nữ	24/03/2011					18.00	4	2	3
#	44	10A11	050764	-	LÂM NGUYỄN THẢO VY	Nữ	20/09/2011					15.75	4	2	1
#	45	10A11	060728	-	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG VY	Nữ	17/11/2011					12.25	3	4	2
#	46	10A11	060730	-	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	28/09/2011					11.75	4	3	2
7	1	10A12	060006	-	DƯƠNG THỊ HOÀNG ANH	Nữ	04/06/2011					18.25	4	2	3
#	2	10A12	060019	-	TRƯƠNG THỊ HẢI ÂU	Nữ	04/01/2011					13.00	4	2	3
#	3	10A12	060042	-	NGUYỄN VÕ AN BÌNH	Nam	27/12/2011					14.25	4	2	3
#	4	10A12	060089	-	PHÙNG THỊ MINH DUYÊN	Nữ	21/03/2011					13.25	4	3	2
#	5	10A12	050082	-	TRẦN MỸ KIỀU DUYÊN	Nữ	13/01/2011					14.75	4	2	1
#	6	10A12	060115	-	LÊ NGỌC MINH ĐỨC	Nam	04/09/2011					18.50	4	2	1
#	7	10A12	100146	-	HỒ HÀ GIANG	Nữ	26/11/2011					17.75	4	2	3
#	8	10A12	050113	-	NGÔ THANH GIANG	Nam	08/02/2011					15.75	4	2	3
#	9	10A12	060133	-	PHAN ĐẶNG THANH HẢI	Nam	09/03/2011					15.25	4	3	1
#	10	10A12	060142	-	TRỊNH THỊ THÚY HẰNG	Nữ	28/07/2011					12.50	4	2	1
#	11	10A12	050135	-	PHẠM THỊ MỸ HẠNH	Nữ	10/05/2011					15.5	4	1	2
#	12	10A12	050160	-	THỐI THỊ THANH HIỀN	Nữ	03/11/2011					16.75	4	2	1
#	13	10A12	060159	-	LƯƠNG ĐỨC HIỆP	Nam	19/08/2011					13.25	4	1	2
#	14	10A12	060182	-	VƯƠNG VŨ HÙNG	Nam	22/06/2011					12.25	4	1	3
#	15	10A12	060195	-	VÕ QUỐC HUY	Nam	07/10/2011					15.50	4	2	1
#	16	10A12	100264	-	NGUYỄN VĨNH KHANG	Nam	14/11/2011					16.50	4	1	2
#	17	10A12	100282	-	PHẠM NHẬT KHÁNH	Nam	07/11/2011					20.75	4	2	3
#	18	10A12	060287	-	NGUYỄN HỮU LỰC	Nam	11/07/2011					17.00	4	2	1

STT	TT Lớp	Lớp	SBD	Đ C u	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi				Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV 3
								Thi lý	Thi th	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ				
#	19	10A12	060308	-	BÙI THẢO MY	Nữ	29/12/2011					12.00	4	2	3
#	20	10A12	060316	-	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	29/07/2011					12.00	4	3	2
#	21	10A12	060328	-	LÊ THỊ HỒNG NA	Nữ	16/10/2011					11.5	4	1	3
#	22	10A12	060349	-	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	12/04/2011					13.75	4	1	3
#	23	10A12	060347	-	NGUYỄN PHẠM TUYẾT NGÂN	Nữ	14/05/2011					14.50	4	2	3
#	24	10A12	060353	-	TRẦN BẢO NGHI	Nữ	05/05/2011					15.50	4	1	2
#	25	10A12	060357	-	ĐÀO HỮU NGHĨA	Nam	09/06/2011					16.00	4	2	1
#	26	10A12	110475	-	TRẦN KHÁNH NGỌC	Nữ	11/07/2011					15	4	2	3
#	27	10A12	050421	-	ĐOÀN TRI GIA NGUYỄN	Nam	27/10/2011					17.50	4	2	3
#	28	10A12	050453	-	HUỲNH QUỲNH NHƯ	Nữ	21/03/2011					16.00	4	2	3
#	29	10A12	060425	-	TRẦN NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	27/10/2011					11.75	4	3	2
#	30	10A12	060435	-	HUỲNH TẤN PHÁT	Nam	07/10/2011					15.00	4	1	3
#	31	10A12	060474	-	HỒ MẠNH QUÂN	Nam	26/02/2011					11.75	4	2	3
#	32	10A12	060477	-	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	21/04/2011					13.75	4	1	2
#	33	10A12	060472	-	LƯU ĐỨC NHẬT QUANG	Nam	20/11/2011					12.00	4	2	1
#	34	10A12	060484	-	HUỲNH THÀNH QUÝ	Nam	27/01/2011					14.50	4	1	2
#	36	10A12	050536	-	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	01/02/2011					16.50	4	1	2
#	37	10A12	050547	-	VY THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	29/06/2011					17.25	4	2	3
#	38	10A12	100587	-	BÙI QUANG TÂM	Nam	20/11/2011					19.00	4	2	3
#	39	10A12	100669	-	LÊ HUYỀN TRANG	Nữ	14/01/2011					18.75	3	4	2
#	40	10A12	060655	-	LÊ QUANG HẢI TRIỀU	Nam	09/09/2011					11.25	4	2	3
#	41	10A12	060678	-	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	Nam	07/12/2011					12.50	4	3	1
#	42	10A12	050709	-	VÕ QUANG TRƯỜNG	Nam	02/03/2011					16.50	4	2	1
#	43	10A12	050720	-	HOÀNG BÁ DUY TÙNG	Nam	13/11/2011					14.75	4	2	3
#	44	10A12	050780	-	NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	Nữ	16/06/2011					15.75	4	2	1
#	45	10A12	100775	-	PHẠM TRIỆU HẢI YẾN	Nữ	19/03/2011					20.50	4	2	1
8	1	10A13	060007	-	ĐỖ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	30/07/2011					18.25	4	3	1
#	2	10A13	060073	-	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	Nam	03/10/2011					14.75	3	4	2
#	3	10A13	050091	-	NGUYỄN PHAN LƯU ĐAN	Nữ	24/10/2011					16.00	4	2	3
#	4	10A13	060105	-	NGUYỄN PHẠM MINH ĐẠT	Nam	01/06/2011					14.00	4	1	2
#	5	10A13	100186	-	HUỲNH THỊ THU HIỀN	Nữ	18/08/2011					20.75	4	2	1
#	6	10A13	060185	-	ĐỖ NGUYỄN MINH HUY	Nam	02/07/2011					14.25	4	2	1
#	7	10A13	060193	-	PHẠM NGUYỄN HUY	Nam	02/11/2011					15.25	4	2	3
#	8	10A13	100289	-	ĐẶNG DUY KHOA	Nam	28/09/2011					18.50	4	2	3
#	9	10A13	100299	-	NGUYỄN MINH KHOA	Nam	14/05/2011					17.75	4	1	2
#	10	10A13	060248	-	ĐỖ ANH KIẾT	Nam	12/11/2011					12.25	4	2	1
#	11	10A13	090484	-	LƯƠNG GIANG LAM	Nữ	20/09/2011					15.5	4	2	3
#	12	10A13	060260	-	NGUYỄN THỊ THU LAN	Nữ	19/07/2011					14.75	4	2	3
#	13	10A13	060274	-	HỒ KIỀU LOAN	Nữ	05/11/2011					13.00	4	2	3
#	14	10A13	060335	-	TRẦN NGỌC BẢO NAM	Nam	27/05/2011					15.50	4	1	3
#	15	10A13	050354	-	VÕ DUY BẢO NAM	Nam	25/09/2011					16.50	4	1	3
#	16	10A13	050355	-	VÕ HOÀI NAM	Nam	22/03/2011					16.75	4	2	3
#	17	10A13	060360	-	PHẠM QUANG NGHĨA	Nam	05/06/2011					13.25	4	3	1
#	18	10A13	060367	-	LÊ TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	18/12/2011					17.75	4	1	3
#	19	10A13	060368	-	MAI LÊ BẢO NGỌC	Nữ	21/05/2011					14.50	4	2	3
#	20	10A13	100444	-	VÕ TẠ KIM NGỌC	Nữ	24/05/2011					16.75	4	1	3

Hạng	TT Lớp	Lớp	SBD	Điểm	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn				Tổng Điểm Trúng tuyển	NV1	NV2	NV3
								Thi lý	Thi thực hành	Thi ngoại ngữ	Thi năng khiếu				
#	21	10A13	050455	-	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	12/12/2011					15.5	4	1	3
#	22	10A13	110518	-	NGUYỄN NGỌC ÁI NHƯ	Nữ	08/04/2011					15	4	2	3
#	23	10A13	060417	-	NGUYỄN THỊ HOÀNG NHƯ	Nữ	19/11/2011					17.25	4	3	2
#	24	10A13	050491	-	NGUYỄN LƯƠNG PHÚ	Nam	22/10/2011					16.00	4	1	3
#	25	10A13	050507	-	VÕ ĐỖ HOÀNG PHÚC	Nam	24/09/2011					15.75	4	2	1
#	26	10A13	060465	-	VÕ NGỌC PHƯỚC	Nam	28/10/2011					15.00	4	2	3
#	27	10A13	060494	-	VÕ PHẠM LÊ QUYÊN	Nữ	30/11/2011					13.50	4	2	3
#	28	10A13	100584	-	NGUYỄN PHẠM THANH SƠN	Nam	24/04/2011					19.50	4	2	3
#	29	10A13	060526	-	HUỖNH QUỐC TÂN	Nam	05/11/2011					11.75	4	3	2
#	30	10A13	060535	-	DƯƠNG NGỌC THANH THÁI	Nam	14/12/2011					12.00	4	2	1
#	31	10A13	060547	-	NGUYỄN XUÂN THẢO	Nữ	15/06/2011					11.75	4	3	2
#	32	10A13	060596	-	LÊ HOÀNG ANH THU	Nữ	27/07/2011					16.00	4	1	2
#	33	10A13	050631	-	LÝ THỊ THANH THU	Nữ	15/05/2011					15.75	4	1	2
#	34	10A13	060642	-	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	30/08/2011					11.5	4	2	1
#	35	10A13	060637	-	NGUYỄN NHẬT THUYỀN TRANG	Nữ	18/11/2011					12.50	4	1	3
#	36	10A13	060662	-	ĐỖ MAI THANH TRÚC	Nữ	09/07/2011					17.25	4	2	3
#	37	10A13		-	NGUYỄN VŨ TÚ	Nam	24/05/2010	Quảng Ngãi					4	3	2
#	38	10A13	060688	-	LÊ QUỐC TUẤN	Nam	09/11/2011					12.50	4	1	2
#	39	10A13	060690	-	VÕ ANH TUẤN	Nam	16/09/2011					11.25	4	1	2
#	40	10A13	050721	-	PHẠM VIỆT TÙNG	Nam	27/03/2010					16.75	4	1	2
#	41	10A13	060694	-	DƯƠNG THANH TUYỀN	Nữ	28/08/2011					13.75	4	2	3
#	42	10A13	100743	-	NGUYỄN THỊ TY TY	Nữ	27/05/2011					16.50	4	2	1
#	43	10A13	050733	-	TRẦN TRƯỞNG GIA UY	Nam	20/07/2011					14.75	4	1	2
#	44	10A13	100768	-	HUỖNH NGỌC NHƯ Ý	Nữ	23/11/2011					18.75	4	2	1
#	45	10A13	060749	-	PHẠM THỊ PHI YẾN	Nữ	11/09/2011					12.00	4	2	3
					HỌC SINH CHƯA ĐĂNG KÝ										
#			110017	-	TRẦN QUẾ ANH	Nữ	27/08/2011					14.75			
#			090409	-	PHẠM CAO GIA KHIÊM	Nam	01/12/2011					17.75			
#			050454	-	LÊ THỊ DIỄM NHƯ	Nữ	13/01/2011					15			
#			110544	-	TRƯƠNG TÂM PHONG	Nam	08/02/2011					15			
#				-	BÙI VĂN THIÊN	Nam	17/12/2011	Quảng Ngãi							
#			100619	-	HUỖNH BÁ DUY THIÊN	Nam	04/11/2011					15.75			
#			100648	-	ĐINH HOÀI THƯƠNG	Nữ	28/04/2011					19.25			